

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2014

TÊN ĐƠN VỊ: TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

ĐỊA CHỈ: 68 Nguyễn Trung Trực - KP 9 - Bến Lức - Long An

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. min	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		933,157,407,936	927,209,642,547
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13,336,050,443	6,544,949,714
1. Tiền	111		13,336,050,443	6,544,949,714
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	513,772,051,799	511,949,616,577
1. Phải thu khách hàng	131		295,543,753,148	327,883,917,167
2. Trả trước cho người bán	132		112,491,234,196	80,944,760,250
3. Phải thu nội bộ	133		448,483,815	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		134,804,469,897	132,705,397,917
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(29,515,889,257)	(29,584,458,757)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	386,848,752,332	392,304,292,820
1. Hàng tồn kho	141		423,724,460,630	448,510,789,399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(36,875,708,298)	(56,206,496,579)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19,200,553,362	16,410,783,436
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	4,304,764,864	3,513,202,890
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8,496,607,812	4,859,077,305
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	165,098,967	330,522,330
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	6,234,081,719	7,707,980,911

(Phần tiếp theo trang 02)



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. min	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		940,051,596,029	951,019,457,890
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		767,945,761,788	777,576,533,162
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	623,018,675,858	616,513,095,971
+ Nguyên giá	222		734,536,726,172	718,613,236,089
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111,518,050,314)	(102,100,140,118)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	111,419,235,520	111,688,380,286
+ Nguyên giá	228		112,419,546,977	112,419,546,977
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,000,311,457)	(731,166,691)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	33,507,850,410	49,375,056,905
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	5.10	132,139,606,676	132,139,606,676
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132,139,606,676	132,139,606,676
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Lợi thế thương mại</i>	260		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	270		39,966,227,564	41,303,318,052
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	6,701,796,400	7,943,431,593
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	32,228,603,788	32,324,059,082
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	1,035,827,377	1,035,827,377
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1,873,209,003,964	1,878,229,100,437

14140
 NG TY
 PHÂN
 ĐO
 NG LỢI
 C-T.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã	Th.	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,627,070,013,855	1,616,725,819,490
I. Nợ ngắn hạn	310		1,179,503,988,102	1,164,743,174,364
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	481,721,924,113	522,089,755,121
2. Phải trả người bán	312	5.15	221,812,875,067	206,982,333,012
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	64,284,432,155	85,055,560,191
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	4,746,046,750	7,724,363,449
5. Phải trả người lao động	315		5,875,583,052	10,505,253,334
6. Chi phí phải trả	316	5.17	22,372,402,945	25,735,026,599
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	362,294,408,881	290,247,199,719
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16,396,315,139	16,403,682,939
II. Nợ dài hạn	330		447,566,025,753	451,982,645,126
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	5,575,232,931	5,822,299,778
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	430,049,578,980	434,154,218,324
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.21	14,510,651	14,510,651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	11,926,703,191	11,991,616,373
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		245,508,003,886	261,003,658,426
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.23	245,508,003,886	261,003,658,426
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443,753,850,000	443,753,850,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7,500,000,000)	(7,500,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19,640,561,505	19,640,561,505
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16,839,181,571	16,839,181,571
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(227,225,589,190)	(211,729,934,650)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	5.24	630,986,223	499,622,521
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,873,209,003,964	1,878,229,100,437

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th.		
	minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		469,543.59	371,111.96
- USD		468,878.92	369,536.11
- EUR		664.67	1,575.85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

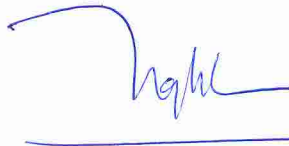
Ngày 14 tháng 05 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Quý I Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	T M	Quý I	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		366,958,115,633	397,112,540,684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		41,880,074,414	102,060,518,074
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	325,078,041,219	295,052,022,610
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	298,968,768,731	295,890,164,362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26,109,272,488	(838,141,752)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1,513,177,079	4,081,069,352
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13,875,130,826	18,015,363,924
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13,401,356,972	15,563,435,324
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	15,270,889,160	16,531,548,609
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	10,930,504,758	16,852,696,783
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12,454,075,177)	(48,156,681,716)
11. Thu nhập khác	31	6.7	1,189,105,393	997,795,368
12. Chi phí khác	32	6.8	3,688,921,875	790,826,158
13. Lợi nhuận khác	40		(2,499,816,482)	206,969,210
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		(13,479,918)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(14,967,371,577)	(47,949,712,505)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		309,071,765	211,014,977
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		103,237,822	(3,435,583,157)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15,379,681,164)	(44,725,144,325)
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			131,363,702	(13,968,385)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			(15,511,044,866)	(44,711,175,940)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(351)	(1,011)

Long An, ngày 14 tháng 05 năm 2014

Lê Thị Khả Hân
Người lập bảng

Nguyễn Thị Trúc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Đạo
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của thuyết minh báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(14,967,371,577)	(47,949,712,506)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		10,286,314,548	9,622,247,743
Các khoản dự phòng	03			
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		802,663,299	
Chi phí lãi vay	06		13,401,356,972	15,563,435,324
Điều chỉnh khác				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9,522,963,242	(22,764,029,439)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4,622,251,511)	(94,136,046,162)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5,455,540,489	(55,432,344,075)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		45,095,496,772	169,818,255,991
Tăng giảm chi phí trả trước	12			
Tiền lãi vay đã trả	13		(4,121,039,222)	(24,320,378,329)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(144,036,081)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt kinh doanh			139,386,228	206,120,714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			51,470,095,998	(26,772,457,381)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,173,525,406)	(8,841,646,035)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		956,954,126	1,191,698,827
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,046,363	4,080,965,997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(206,524,917)	(3,568,981,211)



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của thuyết minh báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	130,193,238,102	549,137,485,128
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(174,665,708,454)	(519,903,013,298)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(44,472,470,352)	29,234,426,830
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	6,791,100,729	(1,107,011,762)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6,544,949,714	21,689,041,968
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	13,336,050,443	20,582,030,206

NGƯỜI LẬP BẢNG

LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 14 tháng 05 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của thuyết minh báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 06 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cửu trầm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất và chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

(Phần tiếp theo ở trang 9)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	149 Nguyễn Văn Cừ - Phường 2 – Quận 5 – TP HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường , xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường , xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%

1.3.2. Công ty con gián tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty CP Thủy Hải Sản Mê Kông	Ấp Tân Cường , xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	79,74%	70,05%

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	2.05.039.283	1.890.989.073
Tiền gửi ngân hàng	10.631.011.160	4.653.960.641
Tổng cộng	13.336.050.443	6.544.949.714

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	295.543.753.148	327.883.917.167
Trả trước cho người bán	112.491.234.196	80.944.760.250
Phải thu nội bộ	448.483.815	-
Các khoản phải thu khác	134.804.469.897	132.705.397.917
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	543.287.941.056	541.534.075.334
Dự phòng phải thu khó đòi	(29.515.889.257)	(29.584.458.757)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	513.772.051.799	511.949.616.577

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu về hoạt động thương mại	256.089.489.609	288.413.691.353
Phải thu hoạt động thi công	14.300.584.394	-
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	24.534.252.131	39.470.225.814
Phải thu hoạt động taxi	619.427.014	-
Cộng	295.543.753.148	327.883.917.167

Các khoản trả trước người bán được chi tiết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước về cung cấp thiết bị	-	-
Trả trước hoạt động thi công	4.416.208.321	13.865.257.040
Trả trước hoạt động thương mại	76.270.905.146	8.003.322.433
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	27.104.099.415	58.808.684.325
Khác	4.700.021.314	267.496.452
Cộng	112.491.234.196	80.944.760.250

Chi tiết các khoản phải thu khác gồm :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho nhân viên	-	-
Phải thu tiền cho tạm mượn	85.146.160.511	85.248.160.511
Phải thu tiền lãi cho mượn	42.032.558.863	42.030.466.211
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.165.983.837	1.173.243.837
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	-	-
Phải thu thuế nhập khẩu được hoàn	904.450.380	904.450.380
Phải thu do chi trước quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Ứng trước tiền liên kết nuôi thủy sản	2.223.917.650	1.207.787.525
Phải thu Công Ty Thanh Thy	542.000.000	542.000.000
Khác	2.789.398.656	1.599.289.453
Cộng	134.804.469.897	132.705.397.917

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	409.083.970	457.050.460
Nguyên liệu, vật liệu	5.300.897.451	5.370.692.155
Công cụ, dụng cụ	4.804.742.755	5.549.794.164
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	110.120.914.213	110.650.612.846
Thành phẩm	269.345.854.634	299.700.193.046
Hàng hóa	33.742.967.606	26.773.126.942
Hàng gửi bán	-	9.319.786
Cộng giá gốc hàng tồn kho	423.724.460.630	448.510.789.399
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(36.875.708.298)	(56.206.496.579)
Giá trị thuần có thể thực hiện	386.848.752.332	392.304.292.820

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	-	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.229.818.755	2.225.565.824
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	1.074.946.109	737.037.839
Chi phí chờ phân bổ	-	-
Khác	-	550.599.227
Tổng cộng	4.304.764.864	3.513.202.890

5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế TNDN nộp thừa	144.903.812	317.747.686
Thuế TNCN nộp thừa	14.312.154	12.205.802
Thuế GTGT được khấu trừ	5.883.001	-
Khác	-	568.842
Tổng cộng	165.098.967	330.522.330

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	4.035.182.657	5.503.459.179
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.198.899.062	2.204.521.732
Tổng cộng	6.234.081.719	7.707.980.911

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	408.644.773.025	171.592.516.088	133.853.649.660	1.411.690.232	3.110.607.084	718.613.236.089
Tăng trong kỳ	-	1.220.000.000	-	-	540.000.000	1.760.000.000
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý cty con	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.882.444.552	2.357.267.349	-	-	41.020.000	15.280.731.901
Thanh lý	-	(446.044.000)	(671.197.818)	-	-	(1.117.241.818)
Mua cty con	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang chi phí theo TT45	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	421.527.217.577	174.723.739.437	133.182.451.842	1.411.690.232	3.691.627.084	734.536.726.172
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	17.078.991.121	30.870.557.529	51.928.886.980	1.346.964.432	874.740.056	102.100.140.118
Khấu hao trong kỳ	2.486.037.306	3.312.491.516	4.094.905.778	9.945.393	113.789.789	10.017.169.782
Tăng mua cty con	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	(265.919.734)	(333.339.851)	-	(1)	(599.259.586)
Giảm do thanh lý cty con	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang chi phí theo TT45	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	19.565.028.427	33.917.129.311	55.690.452.907	1.356.909.825	988.529.844	111.518.050.314
Tại ngày đầu kỳ	391.565.781.904	140.721.958.559	81.924.762.680	64.725.800	2.235.867.028	616.513.095.971
Tại ngày cuối kỳ	401.962.189.150	140.806.610.126	77.491.998.935	54.780.407	2.703.097.240	623.018.675.858

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp là : 123.362.048.943 đồng
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là : 7.827.274.195 đồng

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	112.419.546.977	-	112.419.546.977
Tăng do mua cty con	-	-	-
Số dư cuối kỳ	112.419.546.977	-	112.419.546.977
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	731.166.691	-	731.166.691
Khấu hao trong kỳ	269.144.766	-	269.144.766
Số dư cuối kỳ	1.000.311.457	-	1.000.311.457
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	111.688.380.286	-	111.688.380.286
Tại ngày cuối kỳ	111.419.235.520	-	111.419.235.520

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	173.218.403	173.218.403
Phí bảo hộ sản phẩm chế biến	-	-
Giếng khoan (Thanh Mỹ)	-	-
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.628.173.443	4.628.173.443
Hệ thống xử lý nước khoáng, giếng bình (Thanh Mỹ)	-	-
Chi phí đầu tư mua sắm mới xe taxi	-	-
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	28.269.207.899	44.129.539.393
Quyền sử dụng đất nhà máy sản xuất nước đá	-	-
CT xây dựng giếng 3 NM cấp nước (Hạ Tầng)	-	-
Khác	437.250.665	444.125.666
Tổng cộng	33.507.850.410	49.375.056.905

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	132.139.606.676	132.139.606.676
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	132.139.606.676	132.139.606.676
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	132.139.606.676	132.139.606.676

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết công ty liên kết Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2012	Tỷ lệ vốn góp theo giấy phép kinh doanh
+ Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy	Liên kết	132.139.606.676	30%
Cộng		132.139.606.676	

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí CCDC chờ phân bổ	1.982.285.903	3.926.864.229
Chi phí sửa chữa lớn	-	-
Chi phí lắp đặt thiết bị Ng.V.Cử	-	-
Thiết bị, phụ tùng xe ô tô	134.542.281	-
Chi phí cải tạo ao, nhà kho	2.222.639.429	1.295.761.976
Chi phí thuê đất	-	460.911.786
Chi phí khác	2.362.328.787	2.259.893.602
Tổng cộng	6.701.796.400	7.943.431.593

5.12. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.520.636.815	3.520.636.815
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến việc chuyển lỗ phát sinh trong kỳ	28.626.103.726	28.626.103.726
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	72.733.634	177.318.541
Tổng cộng	32.228.603.788	32.324.059.082

5.13. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ thuê kho theo HĐ số 02/TMB08 ngày 10/10/2008 với công ty Phương Nam	192.100.000	192.100.000
Nộp thuế chống phá giá	843.727.377	843.727.377
Đặt cọc khác	-	-
Tổng cộng	1.035.827.377	1.035.827.377

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay cá nhân	3.300.000.000	4.550.000.000
Vay ngân hàng	478.421.924.113	517.539.755.121
Tổng cộng	481.721.924.113	522.089.755.121

Vay ngân hàng với lãi suất từ 9%/năm đến 12%/năm đối với VNĐ, 5%/năm đến 6%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau :

- 2.800.000 cổ phiếu HLG được phát hành bởi Công Ty CP Tập đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0142/HDTG/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang - Huyện Cần Đước – Tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công Ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23/03/2011.
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PGB ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011.
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.
- Vay đối tượng khác dưới hình thức tín chấp với lãi suất 16,8%/năm.

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	221.812.875.067	206.982.333.012
Người mua trả tiền trước	64.284.432.155	85.055.560.191
Tổng cộng	286.097.307.222	292.037.893.203

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	1.705.331.000	1.705.331.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	12.570.109.112	6.887.998.390
Phải trả tiền hoạt động thương mại	21.196.156.927	16.337.038.748
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	181.700.704.861	134.040.132.417
Phải trả về hoạt động thi công	2.457.280.280	1.179.065.127
Khác	2.183.292.887	46.832.767.330
Cộng	221.812.875.067	206.982.333.012

Chi tiết khoản người mua trả tiền trước như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	1.801.633.070	1.882.223.538
Trả trước cho hoạt động thương mại	43.900.895.839	55.463.057.990

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Trả trước cho hoạt động thi công	16.410.295.655	24.882.472.108
Khác	2.171.607.591	2.827.806.555
Cộng	64.284.432.155	85.055.560.191

5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	2.753.661.934	3.761.191.920
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-
Thuế TNDN	508.496.871	843.930.451
Thuế TNCN	860.913.708	848.690.448
Thuế tài nguyên	17.544.595	17.590.446
Thuế nhà đất	-	-
Các khoản phí, lệ phí	605.429.642	2.252.960.184
Tổng cộng	4.746.046.750	7.724.363.449

5.17. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	-	-
Trích trước chi phí nuôi cá chưa quyết toán	383.952.000	-
Trích trước chi phí vận chuyển	-	-
Trích trước lương, thưởng	330.500.000	827.875.000
Trích trước chi phí lãi vay	-	823.421.782
Trích trước chi phí thuê ao	140.348.499	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản	-	-
Trích trước chi phí khấu hao tài sản đã sử dụng	-	1.580.177.534
Trích trước chi phí tiền điện	483.495.300	2.719.013.700
Khác	2.520.316.639	1.270.748.076
Tổng cộng	22.372.402.945	25.735.026.599

5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	1.758.960.492	1.675.318.132
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.652.465.914	4.387.763.909
Quỹ hỗ trợ tai nạn lái xe	208.832.212	-
Phải trả khoản thu bồi thường bảo hiểm tai nạn	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.161.000	80.161.000
Phải trả Công ty TNHH Thanh Thy	7.001.443.935	8.387.443.935

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải trả tiền mượn ông Phạm Phúc Toại	953.984.018	697.800.239
Phải trả tiền mượn Phạm Thuý An	-	-
Phải trả tiền mượn ông Phạm Hoàng Long	198.246.000	198.246.000
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	853.770.400	552.494.100
Phải trả lãi tiền lãi vay	37.868.124.844	28.718.007.739
Phải trả tiền mượn các đối tượng khác	286.761.902.244	242.487.014.558
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.956.517.822	3.062.950.107
Tổng cộng	362.294.408.881	290.247.199.719

5.19. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ của tài xế lái xe taxi	5.075.232.931	5.322.299.778
Nhận đặt cọc bán hàng	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	5.575.232.931	5.822.299.778

5.20. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	430.049.578.980	54.199.001.344
Tổng cộng	434.154.218.324	54.199.001.344

Vay ngân hàng với lãi suất là 12,4%/năm đến 13,8%/năm đối với VNĐ, 6%/năm đến 7,5%/năm đối với USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm:

- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Ô tô kinh doanh taxi hình thành từ vốn vay
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng, thiết bị thuộc dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 277/2009/HĐTC/PGB ngày 22/07/2009.
- Diện tích đất trồng lúa tại huyện Tam Nông và huyện Thanh Bình Tỉnh Đồng Tháp.

5.21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho	14.510.651	14.510.651
Tổng cộng	14.510.651	14.510.651

5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu năm
Khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản	11.926.703.191	11.991.616.373
Tổng cộng	11.926.703.191	11.991.616.373

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23 Vốn chủ sở hữu

5.23.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ năm trước	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	-	36.452.201.802	44.628.828.318	517.334.880.120
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	(261.201.438.552)	(261.201.438.552)
Trích quỹ	-	-	-	-	27.541.274	(27.541.274)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45.000)	(45.000)
Tăng do thanh lý Cty CP Thanh Mỹ và đầu tư vào Cty CP Mê Kông	-	-	-	-	-	4.900.863.279	4.900.863.279
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(30.601.421)	(30.601.421)
Số dư đầu năm nay	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	-	36.479.743.076	(211.729.934.650)	261.003.658.426
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(15.511.044.866)	(15.511.044.866)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	15.390.326	15.390.326
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	-	36.479.743.076	(227.225.589.190)	245.508.003.886

LƯU / 10A-P.01.01.10
LƯU / 10A-P.01.01.10
LƯU / 10A-P.01.01.10

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
Tổng cộng	443.753.850.000	443.753.850.000

5.23.3. Cổ phần

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.23.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(15.511.044.866)	(44.711.175.940)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	44.225.385	44.225.385
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	(351)	(1.011)

5.24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Đầu năm
Số dư đầu năm	499.622.521	375.364.252
Vốn góp của cổ đông thiểu số giảm trong kỳ	-	(400.000.000)
Giảm lỗ do thanh lý Công ty Thanh Mỹ	-	51.606.741
Tặng do đầu tư vào Cty CP Mê Kông	-	593.572.321
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	131.363.702	(120.920.793)
Số dư cuối năm	630.986.223	499.622.521

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	32.688.669.376	23.185.401.991
Doanh thu hoạt động thi công	14.461.948.605	6.694.980.909
Doanh thu bất động sản	38.851.300.000	670.970.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	260.113.287
Doanh thu cung cấp nước	2.122.512.531	2.364.322.839
Doanh thu taxi	23.424.602.183	40.975.836.584
Doanh thu chế biến, nuôi trồng thủy sản	255.386.749.674	318.601.557.526
Doanh thu khác	-	2.405.857.785

11/2/2014 10:11

047.
IG
PH
ĐO
10
-T.1
047
NG
PH
ĐO
10
-T.1

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Hàng bán bị trả lại	(41.857.741.150)	(100.107.018.311)
Doanh thu thuần	325.078.041.219	295.052.022.610
6.2. Giá vốn hàng bán		
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	31.658.992.372	24.011.630.946
Giá vốn hoạt động thi công	14.318.371.363	6.635.380.000
Giá vốn hoạt động bất động sản	11.958.766.989	(96.656.415)
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Giá vốn cung cấp nước	1.275.210.938	1.163.925.246
Giá vốn taxi	18.695.176.461	32.190.011.471
Giá vốn chế biến, nuôi trồng thủy sản	233.189.190.698	280.855.011.731
Điều chỉnh giá vốn đất An Thạnh	-	(48.869.138.615)
Giá vốn khác	-	-
Điều chỉnh giá vốn hàng trả lại	(12.126.940.090)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Tổng cộng	298.968.768.731	295.890.164.364
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.046.363	4.080.965.997
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	422.574.167	103.355
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.080.556.549	-
Khác	-	-
Tổng cộng	1.513.177.079	4.081.069.352
6.4. Chi phí hoạt động tài chính		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	13.401.356.972	15.563.435.324
Chi phí lãi tiền ký quỹ của taxi	31.028.400	51.165.723
Chi phí chiết khấu thanh toán	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112.475.822	2.167.891.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Chi phí lãi vay do chậm thanh toán	-	-
Lỗ do thanh lý cty CP Thanh Mỹ	-	-
Khác	330.269.632	232.871.703
Tổng cộng	13.875.130.826	18.015.363.924
6.5. Chi phí bán hàng		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	509.308.865	1.302.276.581
Chi phí vật liệu bao bì, CCDC	3.604.029.647	3.913.072.566



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.711.698	120.012.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.028.495.336	8.618.900.572
Chi phí bằng tiền khác	1.115.343.614	2.577.286.869
Tổng cộng	15.270.889.160	16.531.548.609
6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	6.129.392.899	8.551.139.330
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	-	-
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	274.473.452	439.451.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	959.505.903	1.153.671.456
Thuế, phí và lệ phí	96.899.448	241.972.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.522.516.434	3.038.502.270
Chi phí bằng tiền khác	1.947.716.622	3.427.960.352
Tổng cộng	10.930.504.758	16.852.696.783
6.7. Thu nhập khác		
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu phí đo đạc	4.000.000	1.070.909
Thu tiền bán phế liệu	415.865.547	37.090.929
Thu thanh lý tài sản cố định	284.681.067	-
Thu lại trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	121.972.687	-
Thu từ hỗ trợ tai nạn, sửa chữa	185.648.102	-
Thu nợ khó đòi	5.044.500	-
Xử lý chi phí vùng nuôi	-	-
Xử lý hàng tồn kho	-	-
Đ/c lãi do đầu tư vào cty con	-	-
Thu nhập khác	171.893.490	959.633.530
Tổng cộng	1.189.105.393	997.795.368
6.8. Chi phí khác		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí công cụ, dụng cụ	88.283.208	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	467.547.390	275.630.298
Thanh lý XD/CB	-	-
Xử lý chi phí vùng nuôi	20.401.973	-
Xử lý tồn kho	-	-
Tiền phạt do thanh lý hợp đồng	213.859.360	-
Chi phí khác	2.898.829.944	515.195.860
Tổng cộng	3.688.921.875	790.826.158

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí thuế hoãn lại từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của kỳ này	469.262.827	22%	103.237.822
Tổng cộng	469.262.827		103.237.822

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu Công Ty Thanh Thy	542.000.000	542.000.000
Phải trả Ông Phạm Phúc Toại	953.984.018	8.451.812.779
Phải trả Công Ty Thanh Thy	7.001.443.935	13.469.443.935
Phải trả Phạm Hoàng Long	198.246.000	198.246.000

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	172.949.550	322.548.813

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc - cty mẹ	399.676.000	1.334.283.720

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 05 năm 2014.

Long An, ngày 14 tháng 05 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG

LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO